







Stroke Order of Characters in Lesson 2

The number before each stroke indicates where the stroke starts as well as the stroke order.

		
shì	nán	de
		
nǚ	dì	xiǎo
		
mǎ (T)	mǎ (S)	dōu

		
chén (F)	shéi/shuí (F)	zhāng (F)
		
chén (S)	shéi/shuí (S)	zhāng (S)
		
zhè/zhèi (T)	xué (T)	shēng
		
zhè/zhèi (S)	xué (S)	lǎo

		
shī (T)	diǎn (T)	ér/~r (T)
		
shī (S)	diǎn (S)	ér/~r (S)
		
zěn	me (T)	yàng (T)
		
gāo	me (S)	yàng (S)

zhōng	duì (T)	nán (T)
wén	duì (S)	nán (S)
jǐn (T)	gè/ge (T)	gè/ge
jǐn (S)	yǐ	qián

		
xiàn (T)	xiàn (S)	zài
		
kàn	bào (T)	bào (S)
		
nà/nèi	dàn	kě
		
nǎ/něi	shén (T)	shén (S)

		
dōng (T)	dōng (S)	xī
		
shǒu	jī (T)	jī (S)
		
shū (T)	shū (S)	bāo
		
bǐ (T)	bǐ (S)	zǒu

<p>chē (T)</p>	<p>sǎn (T)</p>	<p>guì (T)</p>
<p>chē (S)</p>	<p>sǎn (S)</p>	<p>guì (S)</p>
<p>zǐ/zi</p>	<p>zì</p>	<p>diǎn</p>
<p>qǐ3</p>	<p>lái2 (T)</p>	<p>lái2 (S)</p>

		
<p>xíng/háng</p>	<p>nín</p>	

MIT OpenCourseWare
<http://ocw.mit.edu>

21G.101 / 21G.151 Chinese I (Regular)
Spring 2006

For information about citing these materials or our Terms of Use, visit: <http://ocw.mit.edu/terms>.